

ĐỂ MỌI QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC ĐƯỢC KIỂM SOÁT CHẶT CHẼ BẰNG HIẾN PHÁP VÀ PHÁP LUẬT

✍️ Th.S Hà Minh Lâm

● **TÓM TẮT:** Đảm bảo mọi quyền lực được kiểm soát chặt chẽ bằng Hiến pháp và pháp luật là một trong những nội dung được thể hiện trong dự thảo Văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc XIV. Bởi lẽ, trong bất kỳ nhà nước pháp quyền nào, vấn đề kiểm soát quyền lực luôn giữ vị trí trung tâm để bảo đảm rằng quyền lực không bị lạm dụng, nhân dân thực sự là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, và mọi hoạt động quản lý đều hướng đến phục vụ lợi ích chung. Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, yêu cầu “bảo đảm mọi quyền lực được kiểm soát chặt chẽ bằng Hiến pháp và pháp luật” trở thành nguyên tắc nền tảng, xuyên suốt trong tiến trình đổi mới hệ thống chính trị và hoàn thiện thể chế... Bài viết nhằm phân tích làm rõ hơn vấn đề quan trọng này.

● **Từ khóa:** Quyền lực được kiểm soát, Hiến pháp và pháp luật, nhà nước pháp quyền, nguyên tắc nền tảng.

● **ABSTRACT:** Abstract: Ensuring that all state power is strictly controlled by the Constitution and the law is one of the key elements reflected in the draft Documents submitted to the 14th National Congress of the Communist Party of Vietnam. In any rule-of-law state, the control of power always holds a central position to guarantee that power is not abused, that the people are truly the supreme holders of state power, and that all governance activities serve the common good. In the context of building a socialist rule-of-law State in Vietnam, the requirement to “ensure that all power is strictly controlled by the Constitution and the law” has become a foundational and overarching principle throughout the process of political system reform and institutional improvement. This article seeks to analyze and clarify this important issue.

● **Keywords:** Controlled power, Constitution and law, rule-of-law state, foundational principle.

Ngày nhận bài: 03/9/2025 Ngày bình duyệt: 20/11/2025 Ngày duyệt đăng: 25/11/2025

Quền lực nhà nước là quyền lực chính trị mang tính cưỡng chế hợp pháp, được thực thi bởi các cơ quan nhà nước nhằm duy trì trật tự xã hội, quản lý đời sống kinh tế - xã hội và bảo đảm quyền, lợi ích của nhân dân. Tuy nhiên, quyền lực nhà nước nếu không được kiểm soát sẽ dẫn đến lạm quyền, tha hóa, tham nhũng và vi phạm quyền con người. Việc đảm bảo mọi quyền lực được kiểm soát chặt chẽ bằng Hiến pháp và pháp luật là nguyên tắc cốt lõi để phòng chống sự tha hóa, lạm quyền, bảo vệ quyền lợi nhân dân, và xây dựng nhà nước pháp quyền, thượng tôn pháp luật, nơi mọi cá nhân, tổ chức (kể cả nhà nước) đều phải tuân thủ, tạo nền tảng cho một xã hội công bằng, dân chủ, và phát triển bền vững.

CƠ CHẾ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC:

Để nhận thức đầy đủ vấn đề “Đảm bảo mọi quyền lực được kiểm soát chặt chẽ bằng Hiến pháp và pháp luật”, trước hết phải hiểu về cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước và các điều kiện bảo đảm, phù hợp với bối cảnh pháp lý, chính trị cụ thể của Việt Nam.

Cơ chế kiểm soát quyền lực Nhà nước gồm tổng thể các quy phạm luật hiến pháp và pháp luật xác định phương thức, nội dung và mối quan hệ giữa các cơ quan Nhà nước trong quá trình tổ chức và hoạt động, nhằm bảo đảm quyền lực Nhà nước được sử dụng đúng mục đích và hiệu quả.

Trên cơ sở các quy định của Hiến pháp, pháp luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước ở nước ta hiện nay, có thể nhận thấy hai cơ chế kiểm soát quyền lực Nhà nước chủ yếu là: *Cơ chế kiểm soát bên trong hệ thống Nhà nước* được hình thành trên cơ sở sự phân công quyền lực (quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp) giữa các cơ quan trong bộ máy Nhà nước, sự kiểm soát quyền lực Nhà nước của các cơ quan lập pháp, cơ

quan hành pháp và cơ quan tư pháp; *cơ chế kiểm soát bên ngoài hệ thống Nhà nước*, được thực hiện bởi Nhân dân.

Kiểm soát quyền lực nhà nước là việc thiết lập và vận hành các phương thức nhằm ngăn ngừa lạm quyền, tha hóa quyền lực, bảo đảm quyền lực được giao phó bởi Nhân dân được sử dụng đúng mục đích, hợp hiến, hợp pháp, vì lợi ích chung. Trong hệ thống chính trị Việt Nam, cơ chế kiểm soát quyền lực gồm 4 nhóm chính:

1. Kiểm soát quyền lực từ bên trong Nhà nước (nội bộ Nhà nước):

- *Kiểm soát quyền lực theo nguyên tắc phân công - phối hợp - kiểm soát*: Có ba nhánh quyền lực trong Nhà nước được phân công, gồm: Quyền lập pháp: Quốc hội; Quyền hành pháp: Chính phủ; Quyền tư pháp: Tòa án, Viện kiểm sát.

- *Cơ chế kiểm soát được thể hiện qua các mối quan hệ*:

+ Quốc hội giám sát Chính phủ, Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

+ Chính phủ chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình trước Quốc hội.

+ Tòa án có quyền xem xét tính hợp pháp của các hành vi tố tụng, bảo vệ công lý và quyền con người.

+ Viện kiểm sát kiểm sát hoạt động tố tụng của các cơ quan tư pháp. Mỗi cơ quan không chỉ thực hiện chức năng của mình mà còn kiểm soát lẫn nhau.

2. Kiểm soát quyền lực bằng các thiết chế chính trị - xã hội:

- Sự lãnh đạo của Đảng: Đảng lãnh đạo bằng chủ trương, đường lối, không can thiệp trực tiếp vào hoạt động hành chính, tư pháp.

- Cơ chế Đảng kiểm soát quyền lực bằng: Kiểm tra, giám sát nội bộ; Kỷ luật Đảng; Công tác cán bộ.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: Giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước; Tham gia phản biện xã hội đối với chính sách, pháp luật; Tập hợp ý kiến Nhân dân, thúc đẩy minh bạch, liêm chính.

3. Kiểm soát quyền lực từ phía Nhân dân: Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực, thực hiện kiểm soát thông qua:

+ Cơ chế bầu cử, ứng cử, bãi nhiệm: Lựa chọn người đại diện trong bộ máy nhà nước; Có quyền kiến nghị bãi nhiệm đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

+ Quyền tham gia xây dựng và phản biện chính sách: Góp ý dự thảo luật, dự thảo nghị định, quy hoạch... Thông qua kênh Mặt trận Tổ quốc, các hội nghề nghiệp, ý kiến trực tiếp hoặc trực tuyến.

+ Quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị: Yêu cầu cơ quan nhà nước xử lý hành vi vi phạm, tham nhũng, lạm quyền.

+ Giám sát của báo chí - truyền thông - dư luận: Công khai hóa thông tin, giúp phát hiện sai phạm và áp lực cải cách; Là kênh kiểm soát đặc biệt quan trọng trong phòng chống tham nhũng.

4. Kiểm soát quyền lực thông qua pháp luật và cơ chế phòng, chống tham nhũng: Bao gồm: Quy định về trách nhiệm giải trình của công chức; Công khai, minh bạch trong tài sản, thu nhập; Thanh tra, kiểm toán nhà nước; Điều tra - truy tố - xét xử các tội phạm tham nhũng; Kiểm tra, giám sát tài chính công... Đây là cơ chế kiểm soát bằng các công cụ pháp lý rõ ràng, có tính cưỡng chế cao.

CƠ SỞ CỦA VẤN ĐỀ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC

1. Sở dĩ phải kiểm soát quyền lực là do: Bản chất quyền lực có nguy cơ tha hóa; Giới hạn quyền lực giúp ngăn ngừa xung đột lợi ích và bảo đảm tính liêm chính của bộ máy; Bảo vệ quyền con người và quyền công dân trước sự tùy tiện của bộ máy công

quyền; Tạo lập môi trường minh bạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Cơ sở hiến định của kiểm soát quyền lực:

Theo Hiến pháp năm 2013: Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước (Điều 2). Quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước (Điều 2, khoản 3). Tất cả cơ quan, tổ chức, cá nhân đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật (Điều 8).

NỘI DUNG VÀ CƠ CHẾ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC BẰNG HIẾN PHÁP VÀ PHÁP LUẬT

1. Kiểm soát quyền lực trong nội bộ bộ máy nhà nước: Việt Nam thực hiện mô hình quyền lực thống nhất nhưng có sự phân công và phối hợp giữa: Quốc hội, Chính phủ, Tòa án và Viện Kiểm sát.

2. Cơ chế kiểm soát được thể hiện qua các hoạt động cụ thể gồm: Giám sát tối cao của Quốc hội; Hoạt động thanh tra, kiểm toán nhà nước; Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; Giám sát tư pháp, xét xử độc lập, không phụ thuộc vào cơ quan hành pháp hay lập pháp.

3. Kiểm soát quyền lực bằng pháp luật và chế tài: Bao gồm các quy định cụ thể là: Giới hạn pháp lý cho quyền lực của từng cơ quan; Trách nhiệm pháp lý cá nhân đối với cán bộ, công chức; Cơ chế xử lý vi phạm như kỷ luật, truy cứu trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự, hành chính; Minh bạch và trách nhiệm giải trình.

4. Kiểm soát quyền lực bằng cơ chế Đảng giám sát Nhà nước: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước nhưng không đứng ngoài cơ chế kiểm soát, mà phải chịu kiểm tra, giám sát của: Nhân dân; Các cơ quan Nhà nước; Các tổ chức chính trị - xã hội; Cơ chế tự giám sát nội bộ Đảng (Ủy ban Kiểm tra các cấp).

5. Kiểm soát quyền lực từ xã hội và Nhân dân: Nhân dân thực hiện quyền giám sát thông qua bầu cử, phản biện xã hội, khiếu nại - tố cáo; Báo chí, truyền thông và mạng xã hội tạo nên sức ép công khai, minh bạch; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức xã hội thực hiện phản biện chính sách; Công nghệ thông tin thúc đẩy chính phủ số, giúp minh bạch hóa hoạt động công quyền.

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN CƠ CHẾ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC

Để đảm bảo thực hiện cơ chế kiểm soát quyền lực được hiệu quả, cần tiếp tục hoàn thiện các điều kiện sau:

1. Bảo đảm chính trị: Đó là việc Đảng và Nhà nước tạo môi trường chính trị ổn định, bền vững, từ những chủ trương, chính sách của Đảng về kiểm soát quyền lực và được Nhà nước thể chế hóa thành các quy định của pháp luật.

Trên thực tế, kiểm soát quyền lực Nhà nước được Đảng ta xác định là nhiệm vụ quan trọng, đáp ứng yêu cầu khách quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Điều này được thể hiện ở nhiều văn kiện khác nhau, đặc biệt tại Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bổ sung, phát triển năm 2011 và Hiến pháp năm 2013.

Để xác lập và tạo môi trường dân chủ trong mọi tổ chức và hoạt động quản lý xã hội, Nhà nước tạo một thể chế chính trị dân chủ, các quyền con người, quyền công dân được Nhà nước ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm thực hiện trên thực tế thông qua hệ thống chính sách pháp luật đồng bộ, rõ ràng, thống nhất, đầy đủ; tạo khuôn khổ pháp lý để công dân được tự quyết định bầu ra người đại diện cho mình thực hiện quyền lực Nhà nước (thông qua bầu cử) và kiểm soát việc thực hiện quyền lực Nhà nước của những người đại diện đó...

2. Bảo đảm pháp lý: Nhà nước thiết lập các yếu tố về thể chế, thiết chế, qua đó mọi cơ quan nhà nước được tổ chức và hoạt động trong điều kiện kiểm soát quyền lực Nhà nước, nhưng có sự phân công, phối hợp với nhau. Trong đó, các bảo đảm về thể chế được thể hiện thông qua Hiến pháp, luật, nghị quyết (do Quốc hội, là cơ quan thực hiện quyền lập pháp thông qua) và các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật do các cơ quan có thẩm quyền ban hành có nội dung liên quan đến kiểm soát quyền lực Nhà nước (như pháp lệnh, nghị định, nghị quyết, thông tư,...). Các quy định tại Hiến pháp năm 2013 về kiểm soát quyền lực Nhà nước cần được cụ thể hóa, đảm bảo tính khả thi; đảm bảo Hiến pháp được thi hành như một trong những phương pháp hữu hiệu nhất của sự kiểm soát quyền lực Nhà nước.

3. Điều kiện về tổ chức bộ máy: Bộ máy Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Chức năng - nhiệm vụ phân định rõ ràng, tránh chồng chéo; Thiết lập cơ quan, cơ chế giám sát độc lập (ví dụ: Kiểm toán nhà nước, Ủy ban kiểm tra Đảng).

4. Điều kiện về nhân sự: Đội ngũ cán bộ có trình độ, đạo đức, tinh thần trách nhiệm; Cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm minh bạch; Cơ chế đánh giá cán bộ dựa trên kết quả và trách nhiệm.

5. Điều kiện về dân chủ và minh bạch: Công khai thông tin hoạt động của Nhà nước; Tạo điều kiện để Nhân dân, báo chí, chuyên gia dễ dàng tiếp cận thông tin; Bảo vệ người phản ánh, tố cáo, nhà báo điều tra.

6. Điều kiện về văn hóa - đạo đức công vụ: Xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật; Xây dựng chuẩn mực đạo đức công vụ, liêm chính; Tuyên truyền pháp luật để nâng cao ý thức xã hội về chống lạm quyền.

7. Điều kiện về công nghệ và chuyển đổi số: Ứng dụng công nghệ để minh bạch

hóa quy trình ra quyết định; Số hóa thủ tục hành chính, công khai dữ liệu ngân sách, đấu thầu, đất đai; Hệ thống tiếp nhận - xử lý phản ánh trực tuyến.

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC

Trước hết, cần tiếp tục hoàn thiện các điều kiện bảo đảm cơ bản sau:

1. Bảo đảm chính trị: Đó là việc Đảng và Nhà nước tạo môi trường chính trị ổn định, bền vững, từ những chủ trương, chính sách của Đảng về kiểm soát quyền lực và được Nhà nước thể chế hóa thành các quy định của pháp luật.

Trên thực tế, kiểm soát quyền lực Nhà nước được Đảng ta xác định là nhiệm vụ quan trọng, đáp ứng yêu cầu khách quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Điều này được thể hiện ở nhiều văn kiện khác nhau, đặc biệt tại Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bổ sung, phát triển năm 2011 và Hiến pháp năm 2013.

Để xác lập và tạo môi trường dân chủ trong mọi tổ chức và hoạt động quản lý xã hội, Nhà nước tạo một thể chế chính trị dân chủ, các quyền con người, quyền công dân được Nhà nước ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm thực hiện trên thực tế thông qua hệ thống chính sách pháp luật đồng bộ, rõ ràng, thống nhất, đầy đủ; tạo khuôn khổ pháp lý để công dân được tự quyết định bầu ra người đại diện cho mình thực hiện quyền lực Nhà nước (thông qua bầu cử) và kiểm soát việc thực hiện quyền lực Nhà nước của những người đại diện đó...

2. Bảo đảm pháp lý: Nhà nước thiết lập các yếu tố về thể chế, thiết chế, qua đó mọi cơ quan nhà nước được tổ chức và hoạt động trong điều kiện kiểm soát quyền lực Nhà nước, nhưng có sự phân công, phối hợp với nhau. Trong đó, các bảo đảm về thể chế được thể hiện thông qua Hiến pháp,

luật, nghị quyết (do Quốc hội, là cơ quan thực hiện quyền lập pháp thông qua) và các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật do các cơ quan có thẩm quyền ban hành có nội dung liên quan đến kiểm soát quyền lực Nhà nước (như pháp lệnh, nghị định, nghị quyết, thông tư,...). Các quy định tại Hiến pháp năm 2013 về kiểm soát quyền lực Nhà nước cần được cụ thể hóa, đảm bảo tính khả thi; đảm bảo Hiến pháp được thi hành như một trong những phương pháp hữu hiệu nhất của sự kiểm soát quyền lực Nhà nước.

3. Hoàn thiện thể chế Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: Rà soát, sửa đổi pháp luật cho đồng bộ và khả thi; Tăng tính độc lập của tư pháp; Xây dựng cơ chế trách nhiệm giải trình bắt buộc.

4. Đẩy mạnh công khai, minh bạch: Áp dụng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia; Mở rộng công khai ngân sách, đấu thầu, quyết định hành chính.

5. Cải cách hành chính và phòng chống tham nhũng: Siết chặt kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ; Hoàn thiện cơ chế bảo vệ người tố cáo; Áp dụng công nghệ số để giảm tiếp xúc trực tiếp, hạn chế tiêu cực.

6. Tăng cường vai trò của giám sát xã hội và nhân dân: Mở rộng quyền tiếp cận thông tin; Tăng cường hoạt động phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; Thúc đẩy văn hóa pháp quyền trong cộng đồng.

Bảo đảm mọi quyền lực nhà nước được kiểm soát chặt chẽ bằng Hiến pháp và pháp luật là yêu cầu mang tính khách quan và cấp thiết trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây không chỉ là một nguyên tắc hiến định có tính chất nền tảng, mà còn là một quá trình vận động liên tục, đòi hỏi sự kiên trì chính trị, sự đổi mới mạnh mẽ trong hoàn thiện thể chế, cùng sự tham gia tích cực, minh bạch của toàn bộ hệ thống chính trị và mỗi công dân. Việc kiểm soát quyền lực

phải được tiến hành đồng bộ giữa quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và các cơ chế giám sát xã hội, bảo đảm mọi quyền lực đều có giới hạn, được phân công, phối hợp và kiểm soát hiệu quả.

Khi quyền lực được đặt trong khuôn khổ pháp luật và vận hành theo các chuẩn mực của Nhà nước pháp quyền, bộ máy nhà nước sẽ hoạt động ngày càng liêm chính, hiệu lực và hiệu quả hơn; tình trạng lạm quyền, tham nhũng, tiêu cực được ngăn chặn từ gốc; niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước được củng cố. Hơn thế, việc tăng cường kiểm soát quyền lực còn

tạo môi trường thuận lợi để phát huy dân chủ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, qua đó góp phần xây dựng một xã hội công bằng, văn minh và phát triển bền vững.

Do đó, kiểm soát quyền lực không chỉ là yêu cầu trước mắt mà còn là nhiệm vụ lâu dài của sự nghiệp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây chính là nền tảng cơ bản để bảo đảm Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân; đồng thời tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (*các chương: Chương I, II: Nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước, quyền con người - quyền công dân; Chương V: Giám sát của Quốc hội; Chương VIII: Thanh tra, kiểm toán*)
2. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng (nội dung về kiểm soát quyền lực, xây dựng Nhà nước pháp quyền)
3. Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, sửa đổi 2020
4. Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, sửa đổi 2019
5. Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, sửa đổi 2019
6. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, sửa đổi 2020
7. Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015
8. Luật Phòng, chống tham nhũng 2018
9. Bài: Kiểm soát quyền lực nhà nước trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền (*Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*).